TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2023/HC-PT
Ngày 12 tháng 4 năm 2024

V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Trần Thị Thuý Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1019/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 955/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 789/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị Đức H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: B Lầu A Đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H*:* Ông Hồ Phi H1, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: 3 đường A, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 000394ngày 11/4/2024 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công T)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận B1 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 168 Đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố T*:* Ông Hoàng T1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Tuấn K - Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Minh T2 - Trưởng Phòng nghiệp vụ 1 Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt).

- Ông Trần Quốc S - Phó Trưởng Phòng tiếp dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A Đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Ngọc T3 (vắng mặt).

3.2. Bà Phạm Ngọc T4 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: B Lầu A Đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3 *và bà* T4*:* Ông Bùi Thanh D (có mặt).

Thường trú: 82/33/3 Đường A K, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 297 Lầu A Đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 000552 ngày 08/5/2023 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công T).

Người kháng cáo: Người khởi kiện – bà Dương Thị Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản đối thoại và lời trình bày tại phiên tòa, người khởi kiện bà Dương Thị Đức H *trình bày:*

Bà H là người có quyền sử dụng diện tích đất 1.108m^2 thuộc các thửa 892, 893, 940 và 941, tờ bản đồ số 6, phường T, Quận B bị ảnh hưởng bởi 02 dự án, cụ thể:

- 217m^2 đất ở thuộc thửa 940 bị thu hồi 65m^2 và 865,2m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi trong Dự án đường Vành đai phía đông.

- Diện tích đất còn lại bị thu hồi trong dự án Khu dân cư T.

Ngày 28/5/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ra Quyết định số 1745/QĐ-UBND (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1745) kèm Bảng chiết tính điều chỉnh giá trị bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai phía đông giai đoạn 1. Bà H không đồng ý với quyết định trên vì bà không được tái định cư và không được bồi thường phần đất nông nghiệp xen kẽ diện tích 865,2m^2.

Tại Quyết định số 1745, Ủy ban nhân dân thành phố T đã căn cứ vào Quyết định số 106/2005/QĐ-UBND ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố H (Sau đây viết tắt là Quyết định số 106), nhưng tại thời điểm ban hành Quyết định số 1745 thì Quyết định 106 đã hết hiệu lực pháp luật. Đất của bà H bị thu hồi vào năm 2008, do đó Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng Phương án 117/PA-HĐBT ngày 24/8/2006 và Phương án số 59/PATĐC-HĐBT ngày 24/3/2008 (Các phương án này căn cứ vào Quyết định số 106), nên không đúng quy định pháp luật vì đến lúc này Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực.

Căn cứ vào Điều 74, Điều 79 của Luật đất đai 2013; Điều 6 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 4, 5, 6, 10 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 43, 48 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Văn bản hướng đẫn số 2840/TNMT-ĐKKTĐ ngày 16/4/2007 của Sở T5 thì bà H đủ điều kiện tái định cư, nhận đất nền mới diện tích 65m^2 là đất ở đã bị thu hồi.

Do đó bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy Quyết định số 1745 và yêu cầu được tái định cư đối với 65m^2 đất ở, hoán đổi đất nông nghiệp diện tích 865,2m^2 sang đất ở theo tỷ lệ 50% và bồi hoàn là đất nông nghiệp xen kẽ đất ở theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T *có ý kiến trình bày tại Văn bản số 241/UBND-BBT ngày 30/01/2023:*

Phần đất có diện tích 930,2m^2 thuộc thửa 892 (diện tích 145m^2), thửa 893 (diện tích 368m^2), một phần thửa 940 (diện tích 65m^2), một phần thửa 941 (diện tích 352,2m^2), tờ bản đồ số 6 (tài liệu năm 1990), xã T, huyện T, nay thuộc phường T, thành phố T do bà H là chủ sử dụng thuộc dự án đầu tư xây dựng đường V. Nguồn gốc đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N ngày 22/02/1992, gồm thửa 892 (loại đất Lúa), thửa 893 (loại đất Lúa), thửa 940 (loại đất Thổ), thửa 941 (loại đất Hg.Đb). Ngày 05/8/2002, Ủy ban nhân dân Quận B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 396214, số vào sổ 02442.QSDĐ cho bà H do nhận chuyển nhượng từ ông N.

Ngày 20/8/2008, Hội đồng bồi thường dự án lập Bảng chiết tính số 03/TML đối với bà H như sau:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:

+ Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

865,20m^2 x 150.000 đ/m^2 = 129.780.000 đồng.

+ Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm:

65,00m^2 x 200.000 đ/m^2 = 13.000.000 đồng.

- Diện tích tiêu chuẩn được hưởng từ chính sách tái định cư:

930,20m^2 x 4,5% = 41,859m^2.

Không đủ điều kiện mua căn hộ chung cư, nhận hỗ trợ bằng tiền từ chính sách tái định cư: 41,859m^2 x 4.000.000 đ/m^2= 167.436.000 đồng.

* Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 310.216.000 đồng.

Ngày 21/8/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1 ban hành Quyết định số 6407/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà H (Sau đây viết tắt là Quyết định số 6407) với tổng số tiền: 310.216.000 đồng.

Ngày 01/10/2008, bà H đã bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Ngày 16/10/2008, bà H nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Không đồng ý nội dung Quyết định số 6407, bà H có đơn khiếu nại. Ngày 27/02/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1 ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà H, theo đó không công nhận nội dung đơn của bà H yêu cầu bồi thường diện tích 65m² thuộc thửa 940 theo giá đất ở; phần diện tích đất nông nghiệp 865,2m² được bồi thường theo giá 800.000 đồng/m² hoặc hoán đổi 86,5m² đất ở.

Ngày 26/11/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 5427/QĐ-UBND công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1331/QĐ-UBND-TTr ngày 27/02/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1.

Không đồng ý, bà H khởi kiện vụ án hành chính đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định bồi thường và các Quyết định giải quyết khiếu nại; Đồng thời, đề nghị được bồi thường diện tích 65m² thuộc một phần thửa 940 (loại đất Thổ) theo đơn giá đất ở; phần diện tích 865,2m² tính bồi thường, hỗ trợ theo đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư.

Ngày 24/02/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 179/2017/HC-ST, tuyên xử:

"1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đức H *về việc hủy Quyết định số 6407/QĐ-UNMD ngày 21/8/2008 của* Ủy ban nhân dân Quận B1*; Quyết định số 1331/QĐ-UBND-TTr ngày 27/02/2009 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Quận B1 *và Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Thành phố H*".*

Bà H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 257/2017/HC-PT, tuyên xử:

"1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đức H

Hủy các Quyết định số 6407/QĐ-UNMD ngày 21/8/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B1*; Quyết định số 1331/QĐ-UBND-TTr ngày 27/02/2009 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Quận B1 *và Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận B1 *thực hiện hỗ trợ lại cho bà* Dương Thị Đức H *theo quy định pháp luật".*

Thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 257/2017/HC-PT ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16/4/2019 Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Bảng chiết tính điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 03/TML-ĐC như sau:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:

+ Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

865,20m^2 x 150.000 đồng/m^2 = 129.780.000 đồng.

+ Đất ở không nằm vị trí mặt tiền đường:

65,00m^2 x (3.750.000 x 70%) đồng/m^2 = 170.625.000 đồng.

- Chính sách tái định cư:

+ Đối với đất ở: Không đủ điều kiện tái định cư, giá trị hỗ trợ từ chính sách tái định cư: 65,00m^2 x 3.585.000 đồng/m^2 = 233.025.000 đồng.

+ Đối với đất nông nghiệp: Không đủ điều kiện mua căn hộ chung cư, nhận hỗ trợ bằng tiền từ chính sách tái định cư:

38,934m^2 (865,20m^2 x 4,5%) x 4.000.000 đồng/m^2 = 155.736.000 đồng.

Ngày 28/5/2019, Ủy ban nhân dân Quận B1 ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông (bà) Dương Thị Đức H có căn nhà (thửa đất) thuộc thửa đất số 892, 893 và một phần thửa 940, 941, tờ bản đồ số 6, phường T, Quận B, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 689.166.000 đồng. Về tái định cư: Bà H không đủ điều kiện tái định cư.

Việc bà H yêu cầu hủy Quyết định số 1745 và yêu cầu được tái định cư 01 nền đất đối với diện tích đất ở 65,0m^2 bị thu hồi và tái định cư 01 nền đất đối với diện tích đất nông nghiệp 865,2m^2 bị thu hồi là không có cơ sở giải quyết, bởi:

Bà H bị giải tỏa một phần trong dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai phía Đông với diện tích 930,2m^2 thuộc các thửa 892, thửa 893, một phần thửa 940, 941, tờ bản đồ số 6 (tài liệu năm 1990), xã T, huyện T, nay thuộc phường T, Quận B.

Ngày 28/5/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1745 bồi thường diện tích 65,0m^2 theo đơn giá đất ở không nằm vị trí mặt tiền đường, bồi thường diện tích 865,2m^2 theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là đúng quy định.

Về chính sách tái định cư: Không đủ điều kiện tái định cư.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bố trí tái định cư thì: Cơ quan (tổ chức) được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm bố trí tái định cư phải thông báo cho từng hộ gia đình bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư và niêm yết công khai phương án này tại trụ sở của đơn vị, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi và tại nơi tái định cư trong thời hạn 20 ngày trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư; …".

Theo Mục VII Phần B của Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 117/PA-HĐBT ngày 24/8/2006 của Hội đồng bồi thường dự án quy định về tái định cư: Áp dụng theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 106.

Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 37 của Quyết định số 106 quy định về Đối tượng, điều kiện tái định cư: "Việc tái định cư được áp dụng cho các trường hợp chủ sử dụng nhà ở, đất ở bị thu hồi và phải di chuyển chỗ ở, có giấy tờ hợp pháp hoặc không có giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhưng đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (theo quy định tại Điều 8 của quy định này), có yêu cầu tái định cư, thì được bố trí một căn hộ chung cư hoặc một lô nền đất ở khu tái định cư của dự án".

Khoản 1, 2 Mục I Phần III của Phương án tái định cư - tạm cư số 59/PATĐC-HĐBT ngày 24/3/2008 quy định về Điều kiện tái định cư:

"- Đối với nền đất:

+ Đất ở vị trí mặt tiền đường đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ có diện tích giải tỏa toàn bộ từ 80m^2 trở lên;

+ Đất ở vị trí không mặt tiền đường đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ có diện tích giải tỏa toàn bộ từ 100m^2 trở lên;

- Đối với căn hộ: Đất ở đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ có diện tích giải tỏa toàn bộ dưới 80m^2 đối với vị trí mặt tiền đường; dưới 100m^2 đối với vị trí không mặt tiền đường.

- Điều kiện hỗ trợ mua căn hộ chung cư đối với hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi:

+ Đất nông nghiệp bị thu hồi toàn bộ, ngoài chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp theo quy định, được nhận thêm phần hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách mua căn hộ chung cư tính theo số m^2 căn hộ chung cư được quy đổi theo tỷ lệ 4,5%, diện tích đất nông nghiệp quy đổi tối đa cho một hộ không lớn hơn 30.000m^2 (hạn mức điền).

Căn cứ vào diện tích tiêu chuẩn (số m^2) căn hộ chung cư quy đổi, được hỗ trợ bằng tiền theo mức hỗ trợ giá đối với căn hộ chung cư theo giá bán tái định cư quy định tại khoản 2 Mục I Phần II của Phương án này.

Đối với hộ có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 1.000m^2 trở lên, thì được mua căn hộ chung cư có diện tích tương ứng với diện tích quy đổi theo giá tái định cư nhưng không quá 200m^2/hộ, phần diện tích căn hộ chung cư chênh lệch được thanh toán bằng tiền; nếu không nhận hỗ trợ bằng căn hộ chung cư thì nhận bằng tiền theo quy định tại khoản 2 Mục I Phần II của Phương án này.

- Đất nông nghiệp bị thu hồi một phần, ngoài chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp theo quy định, được nhận thêm phần hỗ trợ giá bằng tiền theo số m^2 căn hộ chung cư được quy đổi theo giá tái định cư".

Bà H bị giải tỏa một phần, trong đó: Diện tích đất ở không nằm vị trí mặt tiền đường 65,0m^2 (Nhỏ hơn 100m^2), diện tích đất nông nghiệp 865,2m^2 (Nhỏ hơn 1.000m^2); bà H không cư trú trên phần đất bị giải tỏa (Không ở, không đăng ký thường trú, tạm trú), không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất, nên không đủ điều kiện nhận chuyển nhượng nền đất hoặc căn hộ chung cư tái định cư theo quy định trên.

Do đó, Ủy ban nhân dân Quận B1 ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà H có căn nhà (thửa đất) thuộc thửa số 892, 893 và một phần thửa số 940, 941, tờ bản đồ số 6, phường T, Quận B là phù hợp với chính sách và đúng theo quy định pháp luật. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố T giữ nguyên Quyết định nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 955/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đức H về các yêu cầu sau:

1.1 Yêu cầu hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B1 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Dương Thị Đức H.

1.2 Yêu cầu được tái định cư 01 nền đất đối với diện tích 65,0m^2 đất ở; Hoán đổi phần đất nông nghiệp diện tích 865,2m^2 sang đất ở theo tỷ lệ 50% và bồi hoàn là đất nông nghiệp xen kẽ đất ở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

-Ngày 21/6/2023, người khởi kiện - bà Dương Thị Đức H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - bà Dương Thị Đức H là ông Nguyễn Phi H2 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Lý do: Theo qui định tại Điều 74, Điều 79 của Luật đất đai 2013; Điều 6 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 4, 5, 6, 10 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 43, 48 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Văn bản hướng dẫn số 2840/TNMT-ĐKKTĐ ngày 16/4/2007 của Sở T5 thì trường hợp của bà H đủ điều kiện tái định cư 01 nền đất đối với diện tích 65,0m 2 đất ở; Hoán đổi phần đất nông nghiệp diện tích 865,2m^2 sang đất ở theo tỷ lệ 50% và bồi hoàn là đất nông nghiệp xen kẽ đất ở nhưng không được người bị kiện giải quyết.

- Người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt). Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo trên của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, lý do: Phần đất của bà H bị giải tỏa một phần, trong đó diện tích đất ở không nằm vị trí mặt tiền đường 65,0m^2 (nhỏ hơn 100m^2), diện tích đất nông nghiệp 865,2m^2 (nhỏ hơn 1.000m^2); bà H không ở, không đăng ký thường trú, tạm trú trên đất bị giải tỏa nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất nên không đủ điều kiện nhận chuyển nhượng nền đất hoặc căn hộ chung cư

tái định cư theo quy định trên; việc Ủy ban nhân dân Quận B1 ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UBND là phù hợp với chính sách và đúng theo quy định pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Ngọc T3, bà Phạm Ngọc T4 (ông Bùi Thanh D) hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày nêu trên của phía bà H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Tại phần tranh luận:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày nêu trên, không tranh luận.

- Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Ngọc T3, bà Phạm Ngọc T4: Hiện nay phần đất của gia đình bà H thuộc hai dự án, đã thu hồi nhưng không xem xét tái định cư cho bà H là không đúng qui định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận: Đối với diện tích 152m^2 còn lại của bà H chưa được lập hồ sơ bồi thường và chưa thu hồi đất nên vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của bà Dương Thị Đức H là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh. Do đó, kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân Quận B1 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt). Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Bà Dương Thị Đức H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B1 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1; Yêu cầu được tái định cư 01 nền đất đối với diện tích đất ở 65,0m^2 bị thu hồi và tái định cư 01 nền đất đối với diện tích đất nông nghiệp 865,2m^2 bị thu hồi.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thụ lý đúng thẩm quyền và xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo đúng qui định tại các Điều 3, 30, 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[3.1] Xét về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 do Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 62, 63, 66, 67 và 69 của Luật đất đai 2013.

[3.2] Xét về nội dung của Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Hội đồng xét xử thấy rằng :

Tại bản án phúc thẩm số 257/2017/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên :

"1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đức H*: Hủy các Quyết định số 6407/QĐ-UNMD ngày 21/8/2008 của* Ủy ban nhân dân Quận B1*; Quyết định số 1331/QĐ-UBND-TTr ngày 27/02/2009 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Quận B1 *và Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân Thành phố H. *Buộc* Ủy ban nhân dân Quận B1 *thực hiện hỗ trợ lại cho bà* Dương Thị Đức H *theo quy định pháp luật".*

Thi hành Bản án hành chính phúc thẩm số 257 ngày 22/9/2017 nêu trên của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16/4/2019 Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Bảng chiết tính điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 03/TML-ĐC và ngày 28/5/2019, Ủy ban nhân dân quận B1 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 1745 trong đó có các nội dung:

- Bồi thường cho bà H diện tích 65,0m^2 theo đơn giá đất ở không nằm vị trí mặt tiền đường.

- Bồi thường cho bà H diện tích 865,2m^2 theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm.

[3.3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại đơn kháng cáo của bà B H cho rằng Quyết định số 1745 về nội dung chưa đúng pháp luật vì bà H đủ điều kiện nhưng phía người bị kiện chưa xét cho bà H được tái định cư 01 nền đất đối với diện tích đất ở 65,0m^2 bị thu hồi và tái định cư 01 nền đất đối với diện tích đất nông nghiệp 865,2m^2 bị thu hồi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H chỉ bị giải tỏa một phần đất trong dự án đầu tư xây dựng đường V phía Đông với diện tích 930,2m^2 thuộc các thửa 892, thửa 893, một phần thửa 940, 941, tờ bản đồ số 6 (Tài liệu năm 1990), phường T, thành phố T, cụ thể như sau: Diện tích đất ở 65,0m^2 (Dưới 100m^2), không nằm ở vị trí mặt tiền đường; diện tích đất nông nghiệp 865,2m^2 (Dưới 1.000m^2).

Quyết định số 1745 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã bồi thường, hỗ trợ cho bà H diện tích đất bị thu hồi đúng giá loại đất theo quy định của pháp luật.

[3.4] Đối với yêu cầu của phía bà Dương Thị Đức H đề nghị áp dụng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày

09/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H, thấy rằng: Tại Điều 2 của Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND có qui định:

" Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục chi trả xong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc không điều chỉnh theo Quyết định này.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo chính sách, phương án đã được phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này.".

Trường hợp của bà H trước đây UBND quận B1 bồi thường không đúng loại đất theo phương án đã được phê duyệt, nay UBND thành phố Thủ Đức đã ban hành quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 bồi thường, hỗ trợ và giải quyết tái định cư cho bà H theo đúng phương án đã được phê duyệt nên không áp dụng theo quyết định 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 theo yêu cầu của bà H.

[3.5] Đối với yêu cầu về tái định cư hai nền đất: Xét thấy, từng loại diện tích đất bị thu hồi đều không đủ điều kiện tái định cư, đồng thời bà H không phải di chuyển chỗ ở (thực tế bà H không cư trú trên phần đất bị giải tỏa).

[4] Từ sự phân tích từ mục [3] đến mục [3.5], có cơ sở xác định bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

[5] Tại cấp phúc thẩm, phía người khởi kiện cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên giữ nguyên.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[7] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Dương Thị Đức H thuộc trường hợp người cao tuổi, có yêu cầu nên được xét miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện – bà Dương Thị Đức H, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 955/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đức H về các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B1 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B1; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Dương Thị Đức H.

- Yêu cầu được tái định cư 01 nền đất đối với diện tích 65,0m^2 đất ở; Hoán đổi phần đất nông nghiệp diện tích 865,2m^2 sang đất ở theo tỷ lệ 50% và bồi hoàn là đất nông nghiệp xen kẽ đất ở theo quy định của pháp luật.

1.2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Dương Thị Đức H thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà Dương Thị Đức H số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0093369 ngày 25/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Dương Thị Đức H thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa